

ẢNH HƯỞNG CỦA CHÍNH THỐNG GIÁO TỚI SAMAN GIÁO CỦA NGƯỜI BURIAT Ở LIÊN BANG NGA

NGUYỄN VĂN DŨNG^(*)

Sự truyền bá Chính Thống giáo vào vùng Buriatia thuộc Liên bang Nga được bắt đầu cùng với việc các nhà khai phá người Nga đầu tiên đặt chân đến vùng đất này. Lúc đầu người Nga đã dùng bạo lực để ép buộc người Buriat theo tôn giáo của họ. Đó là những người đàn ông, đàn bà bị người Nga bắt cầm tù trong các cuộc chinh phục vùng đất mới ở Sibiri. Sự truyền giáo một cách có hệ thống Chính Thống giáo vào vùng đất này được bắt đầu từ năm 1681 – khi Phái bộ truyền giáo Đauria được thành lập và phạm vi hoạt động của Phái bộ này bao gồm các vùng đất của các bộ tộc du mục Buriatia ở Zabaikalie và Đôbaikalie. Nhìn chung trong thời kì này kết quả truyền giáo của Phái bộ Đauria không lớn lắm. Bắt đầu từ thế kỉ XVIII, Phật giáo Lạt Ma từ Mông Cổ và Tây Tạng du nhập vào vùng Zabaikalie và trở thành đối thủ cạnh tranh quyết liệt đối với Chính Thống giáo.

Năm 1727 Giáo phận Irkut được thành lập thay thế cho Phái bộ Đauria đã bị bãi bỏ. Vào thế kỉ XVII số người Buriat được rửa tội còn rất ít. Chỉ có những người nghèo đến nhà thờ để tạm thời trốn thuế.

Trong khoảng thời gian từ 1819 đến 1840 các nhà truyền giáo người Anh đã đến vùng Zabaikalie cùng chung sống với người Buriat ở đây và tích cực truyền giáo trong cộng đồng người này chủ yếu ở hai khu vực Selengin và Khôrin. Các nhà truyền giáo người Anh dịch và in các loại

kinh sách Kitô giáo bằng tiếng Mông Cổ và tiếng Buriat. Dùng tiền của mình để chu cấp cho các trường học của người Buriat, giao tiếp cởi mở và tỏ thái độ triu mến với dân địa phương, trợ giúp y tế cho họ và từ đó gây được cảm tình của người dân bản xứ đối với các nhà truyền giáo nước ngoài. Song do áp lực của Giáo hội Chính Thống giáo và chính quyền Nga hoàng ở địa phương, người Anh đã rời Zabaikalie và công việc truyền giáo của họ không thu được mấy kết quả.

Từ cuối những năm 30 thế kỉ XIX Chính Thống giáo đã tăng cường các biện pháp để truyền giáo vào khu vực này. Các nhà truyền giáo Chính Thống giáo đã dùng các biện pháp mua chuộc giới quý tộc phong kiến ở địa phương, lừa dối và thậm chí dùng cả bạo lực đối với dân thường. Đối với giới quý tộc phong kiến địa phương việc giúp đỡ công cuộc truyền giáo của người Nga đã trở thành phương tiện để bỏ đỡ và nhận được phần thưởng của cấp trên, che đậy sự lạm dụng quyền hành bằng danh tiếng của “những người nhiệt tâm với Chính Thống giáo”⁽¹⁾. Vào

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Kudriaxeve F.A. *Lịch sử dân tộc Mông Cổ - Buriatia*. Cuốn 2, Từ những năm 60 thế kỉ XIX đến năm 1923. Viện Khoa học xã hội Buriatia. Bản thảo, số kiểm kê 613, tờ 151. Trong cuốn: *Chính Thống giáo và Lạt Ma giáo của cư dân bản địa ở Sibiri*. Sđđ., tr. 137.

những năm 40 thế kỉ XIX Chính Thống giáo được truyền bá rộng rãi ở vùng Tunkin, đến giữa thế kỉ XIX, các biện pháp kiên quyết để ép buộc người Buriat theo Chính Thống giáo đã được áp dụng ở vùng Khôrin.

Các trại truyền giáo đã được thiết lập ở nhiều vùng của Buriatia và trở thành chỗ dựa cho các hoạt động truyền giáo. Các trại này gồm nhà thờ, nhà ở của các nhà truyền giáo cùng đất đai mà họ được chia, và chủng viện cùng nhà nghỉ của chủng sinh ở trong chủng viện đó. Đứng đầu các trại truyền giáo là các linh mục – các nhà truyền giáo⁽²⁾. Số lượng các trại truyền giáo không ngừng tăng lên. Năm 1870 ở hai Phái bộ truyền giáo - Phái bộ Irkut và Phái bộ Zabaikalie (thành lập năm 1861) đã có tới 22 trại hoạt động, năm 1877 con số này là 35 trại, còn đến đầu thế kỉ XX đã tăng lên đến 41 trại⁽³⁾.

Số người Buriat chịu phép rửa tội cũng tăng lên tương ứng. Theo số liệu của Giáo phận Irkut, năm 1877 số người Buriat theo Chính Thống giáo là hơn 10.000 người, đến năm 1891 là 35.000 người, đầu thế kỉ XX đã là 85.000 người⁽⁴⁾. Các vùng mà Chính Thống giáo phát triển mạnh là Iđin, Alar, Tunkin và Kudarin.

Cần phải lưu ý rằng việc rửa tội chỉ mang tính chất hình thức, số lượng người chịu phép rửa tội không khi nào chính xác, bởi vì các nhà truyền giáo khi thống kê thường thổi phồng số liệu lên, hơn thế nữa có nhiều người làm lễ rửa tội nhiều lần để trốn thuế, nhận thêm tiền hoặc quà tặng. Những người đã đi lễ nhà thờ Chính Thống giáo vẫn tiếp tục tin theo các thần linh trước đây của mình, vẫn thực hành các nghi lễ Saman giáo, vẫn cần tới sự trợ giúp của các thầy cúng Saman.

Tuy nhiên, Chính Thống giáo đã để lại dấu ấn rõ nét trong lịch sử của người

Buriat và ảnh hưởng tới các tín ngưỡng truyền thống của họ.

Sự truyền bá Chính Thống giáo vào Buriatia được thực hiện bằng những phương pháp hoàn toàn khác với sự truyền bá Phật giáo Lạt Ma. Khác với các Lama, các nhà truyền giáo Chính Thống giáo đã không thỏa hiệp với Saman giáo. Họ tiến hành cuộc đấu tranh công khai và không khoan nhượng nhằm loại bỏ hoàn toàn Saman giáo. Hậu quả của việc làm này là phá hủy nhiều điện thờ của các tín đồ Saman giáo. Thí dụ, cuối thế kỉ XIX theo yêu cầu của các nhà truyền giáo Chính Thống giáo, người ta đã cho nổ tung khối đá ở Lêna, cách Verkhôlenskô không xa, nơi người Buriat thường làm lễ thờ cúng tổ tiên của các bộ tộc Ekhirit và Bulagat. Số phận tương tự cũng xảy ra đối với tảng đá thiêng ở chân núi Shamanka trên bờ sông Iđá, nơi được coi là thánh địa của bộ tộc Gôtôl ở Buriatia.

Sự thay đổi bản đồ địa danh thờ cúng của Saman giáo ở Buriatia liên quan tới sự phát triển các thành phố, làng mạc của người Nga đến định cư ở vùng đất này. Ở những vùng đất đai mà người Nga chiếm của người Buriat có những địa danh gắn liền với đối tượng thờ cúng của tín đồ Saman giáo người bản địa. Đó là những khu rừng, tảng đá, gốc cây và các đối tượng thờ cúng khác. Thí dụ, trên lãnh thổ cư trú của người Buriat vùng Sharaldai thuộc lưu vực sông Iđá, từ năm 1907 đến năm 1913 đã xuất hiện sáu làng người Nga, hai làng của người Ukraina và một làng người Ba Lan. Những người mới tới định cư chiếm một phần đất đai đáng kể của người bản xứ mà trên đó có những địa điểm thờ cúng của Saman giáo.

2. Sđd., tr. 138.

3. *Đại cương lịch sử văn hóa của Buriatia*. Sđd., tr. 277.

4. Sđd., tr. 277.

Do vậy, cư dân địa phương buộc lòng phải chuyển một số địa điểm thờ cúng và thậm chí cả mô mả các thầy cúng Saman đi nơi khác và cố quên đi những địa danh linh thiêng đối với họ từ bao đời nay.

Trước đây, người Buriat sống du cư trên vùng đất thuộc tỉnh Irkut ngày nay và thờ cúng thần thổ địa, chủ nhân của vùng đất này. Dần dần các nghi lễ cúng thần thổ địa theo Saman giáo ở đây đã mất đi và hình ảnh vị thần chủ nhân của vùng đất này đã biến mất trong tâm trí của các tín đồ Saman giáo. Những dấu tích còn lại của những nơi thờ cúng linh thiêng trước đây của Saman giáo trong các vùng định cư của người Nga ở Đôbaikalie và Zabaikalie giờ đây chỉ còn là các địa danh có nguồn gốc Saman giáo, thí dụ, Samanka (ngọn núi, tảng đá), thác Saman, Samanôvô (làng), mũ đất Saman, Ôngônur (hồ), Izhimei (ngọn núi), v.v...⁽⁵⁾.

Ảnh hưởng của Chính Thống giáo tới Saman giáo của người Buriat được thể hiện trước hết trong hệ thống thờ cúng của tôn giáo này, trong đó có lịch những ngày lễ trong năm. Vào cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX ở nhiều vùng của Buriatia người ta xếp các ngày lễ truyền thống của Saman giáo trùng với các ngày lễ của Chính Thống giáo và nó được mang một tên mới kết hợp giữa tên của ngày lễ Saman giáo với tên ngày lễ Chính Thống giáo. Trong những ngày lễ đó, người Buriat thường nghỉ việc và phần lớn trong số họ đi đến nhà thờ ở các làng người Nga gần đó. Trong những ngày này, nhà thờ đông nghịt người Buriat, không ít trong số họ là các tín đồ Saman giáo và họ cũng thấp nển cho tượng thánh Nga.

Cũng trong những ngày này, người Buriat thường tổ chức các lễ Saman giáo của họ, trong số các lễ đó, vị trí chủ yếu dành cho lễ hội lớn của bộ tộc hoặc của

địa phương nơi mà người du cư Buriatia đang sinh sống.

Việc xếp các ngày lễ của Saman giáo trùng với các ngày lễ của Chính Thống giáo không chỉ là kết quả sự ảnh hưởng của Chính Thống giáo, mà nhìn chung đây là ảnh hưởng của người Nga ở Sibiri, ảnh hưởng của kinh tế và văn hóa của họ đến cư dân bản địa. Nhờ ảnh hưởng của người Nga, mà người Buriat biết làm ruộng, cất cỏ và các hoạt động sản xuất khác và cùng với nó là các hình thức nghi lễ khác nhau. Cùng với việc trồng lúa mì và cất cỏ được du nhập từ cộng đồng người Nga vào vùng này, ở người Buriat đã xuất hiện các lễ hội lúa mì và lễ hội cất cỏ. Chức năng của một số vị thần cũng thay đổi: trước hết là các vị thần bảo hộ cho đất và nước có nhiệm vụ đảm bảo mùa màng bội thu, cây cỏ xanh tươi. Trong những lời cầu khẩn của Saman giáo cũng có những sự thay đổi. Thí dụ, trong bài khẩn cầu thần linh của người Buriat vùng Nizhnesharaldai trong lễ hội sau khi gieo trồng xong có những câu như sau:

“Xin hãy cho cỏ tốt trên các ngọn núi của chúng tôi.

Xin hãy cho lúa mì mọc trên những vùng nhiều sỏi đá.

Hỡi mưa đang rơi trên vùng taiga, hãy mưa xuống chỗ chúng tôi.

Hỡi mưa đang rơi trên rừng, hãy mưa xuống đầu chúng tôi”⁽⁶⁾

Ảnh hưởng của Chính Thống giáo còn được thể hiện qua việc xuất hiện trong điện thờ của người Buriat những vị thần có nguồn gốc Chính Thống giáo. Đặc biệt ở đây, Thánh Nikôlai đã trở thành vị thần bảo hộ cho nghề trồng trọt. Ở nhiều vùng

5. Melkheev M.N. *Địa danh của Buriatia*. Ulan-Udê, 1969, tr. 79 - 80.

6. Trích theo: *Chính Thống giáo và Lạt Ma giáo của cư dân bản địa ở Sibiri*. Sđđ., tr. 140.

của Buriatia người ta đã thờ vị thần này trong các lễ hội trước khi gieo trồng và trước khi thu hoạch mùa màng. Trong lễ hội này người ta đã uống rượu vodka và rượu vang sữa. Người Buriat thuộc bộ tộc Iangut trước khi ra đồng họ cầu nguyện trước tượng Thánh Nikôlai bằng tiếng Nga, đồng thời thực hiện nghi lễ theo kiểu Buriatia.

Việc thờ Thánh Nikôlai đặc biệt phổ biến ở những vùng nghề trồng trọt phát triển như ở Idin, Alar, Kudin, Tunka và Kaban. Tượng Thánh Nikôlai ở Tunka được người ta thể hiện với đôi mắt xếch như người Mông Cổ và được gọi là “Thánh Nikôlai Buriatia”. Ông rất được người dân ở đây tôn kính. Ở một số nơi, khi gặp trời hạn hán, người ta tổ chức cầu nguyện ngay trên những cánh đồng mới gieo trồng với sự tham gia của cả những người Buriat chưa chịu phép rửa tội.

Người Buriat còn thực hành một số nghi lễ khác của Saman giáo trùng hợp với những ngày lễ trọng của Chính Thống giáo. Thí dụ, trước ngày lễ Phục sinh, người Buriat đã cắt bờm và lông đuôi của ngựa. Quá trình này cũng xảy ra với việc vẩy rượu vang vào các thần Saman giáo - thần bảo hộ của ngựa.

Một điều thú vị khác là sự tôn kính của những tín đồ Saman giáo ở Buriatia đối với những người Nga đã chết. Theo chuyện kể của người Buriat vùng Baikalô – Kudarin, ở làng Fôfanôvô và Pôxôlskô có các vị thần. Dị bản thứ nhất, vị thần của làng Fôfanôvô chính là người thiếu tá Nga về hưu tên là Efim Pavlovich Sedukh. Việc thờ cúng người thiếu tá đã chết này xuất hiện trong thời gian xảy ra dịch hạch ở vùng Hạ Selenga. Dị bản thứ hai, vị thần của làng Fafônôvô là một người Nga bị đi đày ở vùng này tên là Ivan Timofeevich. Ông này đã làm bạn với một lãnh chúa Mông Cổ tên là Zargashi trốn chạy tới vùng này.

Còn chủ nhân của làng Pôxôlskô được cho là ông Erôfei Zabôlôxki, sứ giả của Nga bị người Mông Cổ giết năm 1651 và được tôn làm thần của làng này⁽⁷⁾.

Trường hợp các vị thần của Saman giáo được đưa vào tín ngưỡng Chính Thống giáo xảy ra ở Tunka, nơi có khối đá thiêng Bukha-Nôiôn. Như đã trình bày trong bài *Ảnh hưởng của Lạt Ma giáo đối với Saman giáo của người Buriat ở Liên bang Nga* (Xem: Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo. Số 4 năm 2006, tr. 57), các Lama đã biến vị thần của tín đồ Saman giáo thành tín ngưỡng của mình và trên một trong số các mỏm đá của khối đá thiêng đó họ đã xây dựng một chùa thờ Phật. Các nhà truyền giáo Chính Thống giáo trong cuộc đấu tranh giành tín đồ, để chống lại các Lama, họ đã quyết định biến khối đá thiêng Bukha-Nôiôn thành của Chính Thống giáo và năm 1861 đã xây ở một mỏm đá khác của khối đá đó một nhà nguyện thờ Thánh Parfenia.

Như vậy là, ở cùng một nơi có khối đá thiêng đó, những tín đồ Lạt Ma giáo thì thờ Phật trong chùa, nhà nguyện thì dành cho tín đồ Chính Thống giáo người Buriat, còn những người Buriat vẫn giữ tín ngưỡng Saman giáo thì hàng năm vẫn tiếp tục tổ chức lễ hội truyền thống của mình. Theo nhận xét của nhà nghiên cứu người Nga, bà N.L. Zhukôvskaia, đó là sự cùng chung sống của các tôn giáo khác nhau, lúc đầu đấu tranh gay gắt với nhau nhưng sau đó lại rất hòa hiếu với nhau. Điều này minh chứng sự thích ứng đáng ngạc nhiên của các tôn giáo với những điều kiện cụ thể của từng địa phương nhất định⁽⁸⁾.

7. Xem: *Chính Thống giáo và Lạt Ma giáo của cư dân bản địa ở Sibiri*. Sđd., tr. 141.

8. Zhukôvskaia N.L. *Từ lịch sử hỗn dung tôn giáo ở vùng Zabaikalie*. T/c Dân tộc học Xô Viết, 1965, № 6, tr. 121.

Nghi lễ mai táng người chết của Saman giáo ở Buriatia cũng chịu ảnh hưởng của Chính Thống giáo. Như mọi người đều biết, trong quá khứ, những tập tục và nghi lễ chôn cất - tưởng niệm người chết được quy định bởi hình thức tôn giáo đang thống trị trong xã hội. Trước khi Phật giáo Lạt Ma và Chính Thống giáo du nhập vào xã hội người Buriat, những tập tục và nghi lễ này được quy định bởi thế giới quan Saman giáo, trong đó phần quan trọng là quan niệm của họ về linh hồn, cái chết và cuộc sống ở thế giới bên kia. Những phương thức mai táng phổ biến nhất khi đó là mai táng trên mặt đất và mai táng trên không trung, ngoài ra còn hình thức hỏa táng. Ở một số nơi người chết được chôn xuống đất. Nhìn chung các làng xóm người Buriat không có nghĩa trang, kể cả nghĩa trang của bộ tộc hay nghĩa trang của cả cộng đồng cư dân. Đến cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX hình thức mai táng trên mặt đất hầu như không còn tồn tại trong cộng đồng người Buriat ở khu vực phía Tây, trừ một số trường hợp ngoại lệ. I. Kôsugin, nhà truyền giáo người Nga, đã nhận xét: “Trước đây, người Buriat chết được ném ở bất cứ chỗ nào trên mặt đất cùng với con ngựa tốt nhất, những vật dụng yêu thích nhất, cung, tên, yên ngựa, quần áo, còn trẻ con chết thậm chí người ta ném ngay cạnh lều. Giờ đây, cả người đã rửa tội lẫn người chưa rửa tội đều đem chôn người chết xuống đất”⁽⁹⁾. Việc chôn cất người chết trong một hố mộ sâu đã trở thành hiện tượng bình thường. Việc đặt trên mộ một cây thánh giá của Chính Thống giáo đã trở thành tập quán. Nghĩa trang chung đã xuất hiện, ở một số nơi người ta còn xây dựng hàng rào xung quanh nghĩa trang. Cho tới trước cách mạng tháng Mười năm 1917 đã chấm dứt việc giết con ngựa đã kéo người chết ra nghĩa trang bên cạnh mộ của người đó.

Người Buriat có phong tục cúng người chết vào các thời điểm 9 ngày, 40 ngày, và 1 năm sau ngày chết. Trong một số trường hợp người ta mời các linh mục đến cầu kinh, đôi khi những người thân đến nhà thờ để thắp nến tưởng niệm người quá cố.

Nhìn chung, nghi lễ mai táng và tưởng niệm người chết của người Buriat ở tỉnh Irkut có sự pha trộn giữa Saman giáo và Chính Thống giáo, còn ở một số vùng như Tunka và Alar thì có sự kết hợp với các yếu tố của Lạt Ma giáo.

Trước đây, quan niệm của người Buriat về thế giới bên kia và sự báo ứng dưới âm cung không có ý nghĩa gì đặc biệt. Trong quá trình phát triển của đời sống văn hóa và kinh tế - xã hội những quan niệm này ngày càng phức tạp. Trong bài đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, Số 4 năm 2006 chúng tôi đã nói tới ảnh hưởng của Phật giáo Lạt Ma tới quan niệm của người Buriat về thế giới bên kia.

Ở bài viết này, chúng tôi xin trình bày tiếp về ảnh hưởng của Chính Thống giáo và tập quán của người Nga đến người Buriat.

Theo tín ngưỡng Saman giáo, những người chết khi sang thế giới bên kia, họ được đưa tới tòa án để xét xử về những việc làm của mình khi còn sống trên mặt đất. Tòa án có 4 cấp: Cấp thứ nhất - tòa án của các quan chức gồm các hội thẩm, thẩm phán và các quan chức khác đã chết; cấp thứ hai - tòa án của các thần; cấp thứ ba - tòa án của các Khan (các vương); và cuối cùng là cấp thứ tư - tòa án của chính Diêm Vương, người cai quản thế giới âm phủ. Tòa án ở cấp càng cao thì xét xử người chết càng nghiêm. Tòa án ở cấp cuối cùng - cấp thứ tư là tòa án

9. *Các tác phẩm của các nhà truyền giáo thuộc giáo phận Irkut*. T. 3, Irkut, 1885, tr. 596. Trích theo: *Chính Thống giáo và Lạt Ma giáo của cư dân bản địa ở Sibiri*. Sđd., tr. 142.

ngghiêm nhất, người có tội thường bị kết án ở mức cao nhất⁽¹⁰⁾.

Tín đồ Saman giáo người Buriat có quan niệm của mình về sự báo ứng ở thế giới bên kia, về thiên đường và địa ngục. Người Buriat có một câu chuyện khá thú vị nói về vấn đề này. Chuyện kể rằng, có một người Buriat vô tình rơi vào thế giới bên kia và nhìn thấy cảnh tượng sau đây. Những người giàu có, nhưng keo kiệt trong cuộc sống thì bị bỏ đói suốt đời; những người không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng thì bị lột trần truồng và bắt ôm gốc cây; các thầy cúng Saman và quan chức thì bị nấu trong vạc dầu, bởi vì quan chức đã chèn ép người nghèo, nhận hối lộ và xét xử không công bằng, còn thầy cúng Saman lấy quá nhiều tiền khi làm lễ cho dân, cố tình dọa nạt mọi người và làm lễ không đúng quy định; những kẻ vu oan, vu khống, những người hay chửi cãi nhau thì bị khóa mồm⁽¹¹⁾.

Nhìn chung, thuyết về sự cứu rỗi linh hồn trong quan niệm của Chính Thống giáo không phổ biến ở người Buriat, tuy nhiên tư tưởng về cái thiện và cái ác ở tộc người này lại rất phát triển.

Một trong những quan niệm của thế giới quan Saman giáo là quan niệm về vũ trụ và vũ trụ học. Ảnh hưởng của Chính Thống giáo trong lĩnh vực này đặc biệt rõ nét. Tín đồ Saman giáo người Buriat vùng Kударin có truyện thần thoại sau đây. Chúa Trời sinh ra Adam; Người này có 77 con. Mỗi người con của ông là một tráng sĩ và nâng được từ 100 đến 150 put (1 put = 16,38 kg). Một hôm những người con này đã họp để bàn nhau và quyết định xây dựng một cái cột cao đến tận mây xanh. Chúa Trời nhìn thấy và thổi một luồng gió vào họ. Tất cả ngã nhào xuống đất, nhưng không ai bị thương, chỉ ngã thiếp đi như những người say rượu. Khi tỉnh dậy, họ không hiểu được nhau nữa. Sau đó Chúa Trời bắt đầu ban

cho mỗi người một tín ngưỡng. Tatarin, một trong số các con trai của Adam, đến họp muộn, nhìn thấy mọi người đang ăn trưa, còn chim ác là và quạ thì đang mổ các hạt vụn. Tatarin giơ cao tay lên trời và kêu: “Ôi Alla!” và bắt đầu nhặt những dấu vết của chim ác là và quạ đặt vào quyển sách. Thế là xuất hiện tín ngưỡng của người Tatar. Còn người Buriat, cũng là con của Adam, đã cầm lấy cuốn sách với tín ngưỡng của Chúa Trời và trên đường đi đã nằm ngủ trên đồng cỏ khô và giấu cuốn sách trong đó. Lúc đó có đàn cừu đi qua, chúng đã ăn hết đồng cỏ và ăn luôn cả cuốn sách với tín ngưỡng của Chúa Trời. Các thầy cúng Saman đã giết thịt con cừu, lấy da treo lên cây và trong các xương bả vai của con cừu họ tìm thấy tín ngưỡng cho người Buriat⁽¹²⁾.

Người Buriat vùng Alar lại có một truyện thần thoại khác về nguồn gốc của vũ trụ và con người. Theo truyện thần thoại này, Chúa Trời (Burkhan) với sự trợ giúp của quỷ đã tạo ra Vũ trụ và người đàn ông, từ xương sườn của người đàn ông đã tạo ra người đàn bà. Từ hai con người này đã sinh ra tất cả mọi người trên trái đất⁽¹³⁾. Các nhà dân tộc học trước cách mạng tháng Mười năm 1917 còn thu thập được nhiều truyện thần thoại của người Buriat về đại hồng thủy, về động đất. Những hiện tượng này xảy ra được giải thích như sau: Trái đất nằm trên lưng một con vật nào đó, khi nó mệt mỏi và trở mình thì trái đất bị rung động

10. Khangalov M.H. *Tuyển tập*, T. 2, Sđd., tr. 215-217.

11. Pôđgôrbunski I. *Ý tưởng của tín đồ Saman giáo người Buriat về linh hồn, cái chết, thế giới âm phủ và cuộc sống dưới âm cung*. Irkutsk, 1891, T. XXV, № 1, tr. 18-33. Trích theo: *Chính Thống giáo và Lạt Ma giáo của cư dân bản địa ở Sibiri*. Sđd., tr. 143.

12. *Các tác phẩm của các nhà truyền giáo Chính Thống giáo ở miền Đông Sibiri*. T. 1, Irkutsk, 1883, tr. 181-182. Trích theo: *Chính Thống giáo và Lạt Ma giáo của cư dân bản địa ở Sibiri*, Sđd., tr. 143.

13. *Chính Thống giáo và Lạt Ma giáo của cư dân bản địa ở Sibiri*. Sđd., tr. 143.

theo. Có một truyện thần thoại kể rằng, Trái đất nằm trên lưng một con cá lớn, khi con cá thay đổi tư thế, trở mình sang phía sườn khác, thì lúc đó xảy ra động đất⁽¹⁴⁾. Còn một truyện thần thoại khác kể rằng, trước đây thân cây lúa mì phủ đầy bông từ ngọn xuống gốc. Một người đàn bà đã lấy vỏ bánh mì gói phân đừa trẻ và ném ra đường. Chúa Trời trông thấy, rất giận con người và đã làm cho cây lúa mì không còn bông nữa. Con chó quý xuống cầu xin Chúa Trời để lại cho nó một phần. Chúa Trời đã để lại cho nó một bông ở đầu thân cây lúa mì. Người Buriat nói rằng, bánh mì ngày nay - đó là khẩu phần của chó do Chúa Trời để lại. Do vậy, sẽ có tội nếu tiếc không cho chó bánh mì⁽¹⁵⁾.

Người ta thấy trong các truyện thần thoại của người Buriat có cả các vị thánh của Chính Thống giáo, có cả các vị thần của Saman giáo. Sự pha trộn của thần thoại, truyền thuyết Chính Thống giáo với thần thoại, truyền thuyết Saman giáo, ở một mức độ đáng kể được giải thích là do có nhiều trẻ em người Buriat đã học trong các trường của các nhà truyền giáo và các loại trường khác, mà ở đó có giảng dạy các môn thần học. Năm 1903 ở tỉnh Irkut đã có tới 39 trường học của các nhà truyền giáo với tổng số 838 học sinh. Ngoài ra còn có 20 trường kiến thức cơ bản do các tổ chức của tôn giáo thành lập với 527 học sinh⁽¹⁶⁾. Học sinh người Buriat đã tiếp thu những kiến thức tôn giáo mà các nhà truyền giáo hay các thầy giáo đã cung cấp cho họ, kết hợp với những quan niệm của Saman giáo, hình

thành nên trong nhận thức của họ một sự hỗn dung tôn giáo.

Còn một tình tiết nữa góp phần truyền bá tư tưởng Chính Thống giáo vào cộng đồng người Buriat – đó là việc dịch và xuất bản kinh sách Chính Thống giáo bằng tiếng Buriat. Ngay từ năm 1815 Kinh Phúc Âm lần đầu tiên đã được dịch ra tiếng Buriat. Hơn 100 năm qua người ta đã dịch hơn 40 đầu sách Chính Thống giáo ra tiếng Buriat với sự tham gia tích cực của các nhà truyền giáo từ Buriatia như Ia. Bôldônốv, N. Đôrzheev, Nôrbôev, v.v... Chỉ riêng một linh mục người Buriat là I. Tristôkhin đã dịch gần 10 tên sách Chính Thống giáo.

Các kinh sách Chính Thống giáo được dịch ra tiếng Buriat, truyền bá vào Buriatia theo hai cách chính: một số người Buriat đọc trực tiếp, còn nhiều người khác thì tiếp thu qua truyền miệng. Và kết quả là trong ý thức của tín đồ Saman giáo đã xuất hiện các tư tưởng Chính Thống giáo. Các tư tưởng này pha trộn với tư tưởng Saman giáo và trong nhiều trường hợp pha trộn với cả tư tưởng Phật giáo Lạt Ma, dẫn đến sự thay đổi trong thế giới quan Saman giáo, xuất hiện sự hỗn dung tôn giáo không chỉ trong hệ thống tư tưởng mà còn cả trong thực hành nghi lễ tôn giáo./.

14. Sđd., tr. 143.

15. Sđd., tr. 144.

16. Urunôvich S. *Tôn giáo của các dân tộc bản xứ ở Sibiri*. Moskva, 1930, tr. 98.